TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 440/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-8-2018
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Bà Đặng Mỹ Hạnh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Kim Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2424/2017/HNST ngày 28 tháng 12 năm 2017 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2972/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 3413/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1976.
Địa chỉ: 28/12 M, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh *(Yêu cầu xét xử vắng mặt)*.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ái N, sinh năm 1977
Địa chỉ: 28/12 M, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn đề ngày 15 tháng 12 năm 2017, các bản khai tiếp theo và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 10/7/2018, Ông Nguyễn Thanh D là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và Bà Lê Thị Ái N chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01 do UBND phường Đ, Quận M cấp ngày 28/01/2002. Trong quá trình chung sống, bà N ham chơi cờ bạc gây nợ nần, ông nhiều lần tha thứ đứng ra trả nợ thay nhưng bà N vẫn không bỏ, tiếp tục cờ bạc làm cho kinh tế gia đình ngày càng khó khăn, kiệt quệ. Đến tháng 7/2017 bà N đã bỏ nhà đi trốn nợ, khi ông tìm được thì bà N lại chuyển đi nơi khác và ông không còn liên lạc được với bà. Sau mọi chuyện xảy ra, ông nhận thấy tình

cảm vợ chồng không còn, ông không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với bà N vì mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Do vậy ông yêu cầu được ly hôn với bà N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Lê Hồng C (nữ), sinh ngày 30/7/2003 và Nguyễn Lê Quốc B (Nam), sinh ngày 14/11/2005. Ông D yêu cầu được nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Ông D khai không có.

Bà Lê Thị Ái N là bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng vắng mặt trong quá trình chuẩn bị xét xử; triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng thủ tục tố tụng; Người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh D và Bà Lê Thị Ái N tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 28/01/2002 theo Giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận M. Ông bà đã có hai con chung là Nguyễn Lê Hồng C, sinh ngày 30/7/2003 và Nguyễn Lê Quốc B, sinh ngày 14/11/2005.

Ngày 15/12/2017 Ông D có đơn yêu cầu ly hôn với bà N vì cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa Ông D và bà N, qua xác minh khu phố bà N bỏ nhà đi từ tháng 7/2017 cho đến nay. Tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình*" nhưng thực tế hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau và bà N đã bỏ nhà đi. Hơn nữa, Toà án tổ chức phiên hoà giải tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn nhưng bà N đều vắng mặt chứng tỏ bà N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 yêu cầu của Ông D là có cơ sở để xem xét.

Về con chung: có hai con chung là Nguyễn Lê Hồng C, sinh ngày 30/7/2003 và Nguyễn Lê Quốc B, sinh ngày 14/11/2005, ông yêu cầu được nuôi con không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con, vì từ lúc bà N bỏ đi hai trẻ đều ở với Ông D chăm sóc nuôi dưỡng học hành. Do đó, đảm bảo sự phát triển ổn định tinh thần cuả trẻ Ông D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông D khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử:

Ông Nguyễn Thanh D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với Bà Lê Thị Ái N, yêu cầu được nuôi con chung. Xét đây là tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung phát sinh từ quan hệ hôn nhân và gia đình xác lập giữa Ông D và bà N, được Toà án nhân dân Quận M thụ lý giải quyết là thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường Đ, Quận M ngày 15/3/2018, xác định Bà Lê Thị Ái N có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số 28/12 M, phường Đ, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Toà án đã tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập Bà Lê Thị Ái N tham gia phiên toà đến lần thứ hai nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do. Ông D cũng có đơn yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ông D, bà N theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Thanh D yêu cầu được ly hôn với Bà Lê Thị Ái N; yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung của vợ chồng khai không có. Quá trình chuẩn bị xét xử, bà N vắng mặt được xem là từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy,

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh D và Bà Lê Thị Ái N chung sống vợ chồng đã được Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01 ngày 28/01/2002 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay Ông D yêu cầu được ly hôn với bà N vì vợ chồng chung sống không hạnh phúc, bà N ham mê cờ bạc không quan tâm chăm sóc đến gia đình, thực tế vợ chồng không còn sống chung, bà N đã bỏ nhà đi từ tháng 7/2017 cho đến nay, Ông D không biết bà đang làm gì, ở đâu.

Xét lời trình bày của Ông D phù hợp với kết quả xác minh của Công an phường Đ, Quận M; ý kiến của đại diện tổ dân phố 60 khu phố 5 phường Đ, Quận M (Biên bản xác minh có UBND phường Đ, Quận M xác nhận ngày 20/3/2018), có cơ sở xác định trong thời gian chung sống vợ chồng, Ông D và bà N cư trú tại nhà số 28/12 M, phường Đ, Quận M; từ khoảng tháng 10/2017 cho đến nay thì bà N không còn cư trú tại địa phương, không rõ đi đâu. Việc bà N bỏ nhà đi không còn chăm sóc đến gia đình, con cái là việc làm không phù hợp, gây ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa vợ chồng. Giữa vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, bền vững, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Ông D yêu cầu ly hôn với bà N là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Theo Giấy khai sinh số 226, quyển số 02 cấp ngày 06/8/2003 và số 318, quyển số 02 cấp ngày 29/11/2005 của Uỷ ban nhân dân phường Đ, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh; xác định trẻ Nguyễn Lê Hồng C (Nữ), sinh ngày 30/7/2003 và trẻ Nguyễn Lê Quốc B (Nam), sinh ngày 14/11/2005 là con chung của Ông D và bà N.

Xét Ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Tại bản khai ngày 02/3/2018, cả hai trẻ Châu và Bảo đều trình bày có nguyện vọng muốn được ở với ba nếu ba mẹ ly hôn, mẹ đã bỏ đi không còn ở chung nhà và không có liên lạc gì, hàng ngày ba đưa đón đi học và chăm sóc cho hai chị em. Thực tế bà N hiện nay không rõ đang làm gì, ở đâu nên cần thiết phải giao hai trẻ cho Ông D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai trẻ, vừa đảm bảo điều kiện về chỗ ở và sinh hoạt để các cháu ổn định cuộc sống, học tập và phát triển thể chất và tinh thần. Do đó, Ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi hai trẻ là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Ông D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử. Do vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp thuận cho Ông D được ly hôn với bà N; giao hai trẻ cho Ông D trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của Ông D không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông D phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 203, 264, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Thanh D được ly hôn với Bà Lê Thị Ái N.

Quan hệ hôn nhân giữa Ông Nguyễn Thanh D và Bà Lê Thị Ái N theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Đ,

Quận M, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 28/01/2002 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao hai trẻ Nguyễn Lê Hồng C (Nữ), sinh ngày 30/7/2003 và Nguyễn Lê Quốc B (Nam), sinh ngày 14/11/2005 cho Ông Nguyễn Thanh D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Ông D không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì sẽ bị người trực tiếp nuôi con yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Khi cần thiết, hai bên đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh D phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0022523 ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M. Ông D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- TANDTP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- UBND phường Đ, Q M, TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

Hoàng Thị Ánh